

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÊ LINH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 57/2020/QĐ-VHNGĐ

Ngày 28/02/2020

*“V/v Yêu cầu công nhận
thuận tình ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÊ LINH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần tiến hành phiên họp gồm có:

Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Văn Định - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Văn Tuyên - Thư ký Toà nhân dân huyện Mê Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mê Linh tham gia phiên họp: Ông Quách Hoàng Chương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 56/2020/TLST – VHNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung” theo Quyết định mở phiên họp số: 08/2020/QĐST - MPH ngày 17 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Người yêu cầu:

- Anh Trần Ngọc V, sinh năm 1990;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Hồng Hà, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái;

Nơi đăng ký tạm trú hiện nay: Thôn Phú Nhi, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội;

- Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1992;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Hồng Hà, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái;

Nơi đăng ký tạm trú hiện nay: Thôn Phú Nhi, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội;

Anh Vượng và chị Thêu đều có mặt tại phiên họp

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội nhận định:

[1] Theo đơn yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình ngày 09 tháng 01 năm 2020 anh Trần Ngọc V và chị Nguyễn Thị Th đều trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Trần Ngọc V và chị Nguyễn Thị Th đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 24 tháng 9 năm 2013 tại UBND thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Trước khi cưới và đăng ký kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, không có ai cưỡng ép gì. Cưới xong vợ chồng chung sống cùng nhau tại xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 3 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm, không còn tình cảm. Nên anh chị ly thân nhau từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên cả hai đều đề nghị Tòa án Công nhận thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Cả anh V và chị Th đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung: Trần Ngọc V, sinh ngày 04/4/2014 và Trần Xuân Tr, sinh ngày 27/10/2015. Hiện cháu Vân đang ở với anh V. cháu Tr đang ở với chị Th. Ly hôn: Hai bên thống nhất thỏa thuận:

Giao cháu V cho anh V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu V thành niên, đủ 18 tuổi.

Giao cháu Tr cho chị Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Tr thành niên, đủ 18 tuổi. Hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con chung cho nhau. Sau khi ly hôn hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức:** Cả anh V và chị Th đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp anh V và chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình, đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung.

Tại phiên họp Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý việc Hôn nhân và gia đình, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách người tham gia tố tụng, thực hiện đúng quy định về việc lấy lời khai, tổng đạt các văn bản tố tụng.

- Tại phiên họp, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung của anh V và chị Th là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung giữa anh Trần Ngọc V và chị Nguyễn Thị Th.

[2] Đối với yêu cầu của anh V và chị Th đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung thấy rằng:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Trần Ngọc V và chị Nguyễn Thị Th đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 24 tháng 9 năm 2013 tại UBND thị trấn Mậu A, huyện

Văn Yên, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu thoả thuận, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 3 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và hai bên sống ly thân nhau từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn: do vợ chồng bất đồng quan điểm, không còn tình cảm. Đến nay cả hai vợ chồng xác định vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai đều đề nghị Tòa án Công nhận thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn giữa anh V và chị Th là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, yêu cầu này là phù hợp cần chấp nhận.

- **Về con chung:** Anh V và chị Th có 02 con chung là: Trần Ngọc V, sinh ngày 04/4/2014 và Trần Xuân Tr, sinh ngày 27/10/2015. Hiện cháu V đang ở với anh V. cháu Tr đang ở với chị Th. Hai bên thống nhất thỏa thuận:

Giao cháu V cho anh V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu V thành niên, đủ 18 tuổi.

Giao cháu Tr cho chị Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Tr thành niên, đủ 18 tuổi. Hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con chung cho nhau. Sau khi ly hôn hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Xét thỏa thuận về việc nuôi con chung giữa anh V và chị Th là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

- **Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức:** Cả anh V và chị Th đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về lệ phí:** Anh V, chị Th phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

- **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; Điều 370 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Ngọc V và chị Nguyễn Thị Th.

2. Về con chung:

Giao cháu V cho anh V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu V thành niên, đủ 18 tuổi.

Giao cháu Tr cho chị Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Tr thành niên, đủ 18 tuổi. Hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con chung cho nhau. Sau khi ly hôn hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Cả anh V và chị Th đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh V, chị Th phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí Tòa án số AA/2017/0009403 ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh; anh V, chị Th đã nộp đủ tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh V, chị Th có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

Nơi nhận:

- VKSND H. Mê Linh;
- Chi cục THADS H. Mê Linh;
- Dương sự;
- UBND TT Mậu A;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Định